

CÁCH TIẾP CẬN "GIỚI": HOẠT ĐỘNG NUÔI DẠY TRẺ Ở MỘT CỘNG ĐỒNG NÔNG DÂN VIỆT

*Nguyễn Thị Thanh Bình**

Trong bốn thập kỷ vừa qua, cùng với sự bùng nổ của các công trình về *giới* trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn nói chung, *giới* trong giáo dục nhân cách và giáo dục ngôn ngữ cho trẻ em cũng là vấn đề được các nhà khoa học đặc biệt quan tâm.

Cho đến nay, tuy đã tốn khá nhiều tài lực, nhưng các nhà khoa học trên thế giới vẫn chưa đi đến được một sự thống nhất tương đối về cả bản thân khái niệm *giới*, cũng như ý nghĩa của nó đối với việc nghiên cứu các vấn đề lí thuyết và hoạt động thực tiễn của con người trong xã hội. Bởi vì, cũng như nhiều phạm trù khác, *giới* luôn biến đổi theo thời gian và không gian. Do đó, hàng loạt các nội dung hết sức cơ bản có liên quan đến *giới* vẫn đang được thảo luận sôi nổi. Tuy nhiên, các nhà khoa học lại tương đối nhất trí rằng, *giới* mang đặc trưng văn hóa-xã hội của cộng đồng; và cùng với các yếu tố khác, *giới* chi phối hoạt động của con người theo những cách thức khác nhau. Vì vậy, muốn có những nhận biết đúng đắn về *giới* trong một bối cảnh nào đó, chúng ta rất cần có những nghiên cứu thực tế. Kết quả của những nghiên cứu đó là chỗ dựa quan trọng cho việc hoạch định chính sách xã hội, hoạch định chiến lược phát triển của cộng đồng sao cho phù hợp với môi trường, hoàn cảnh.

Bài viết này mong muốn góp phần nhỏ bé của mình vào hiểu biết chung về *giới* trong hoạt động nuôi dạy trẻ ở nông thôn Việt Nam trong giai đoạn đầu của thời kì đổi mới.

I. VẤN ĐỀ

Đa số các nghiên cứu đã có về *giới* ở Việt Nam nhận định rằng, mặc dù hệ tư tưởng của chủ nghĩa xã hội với quan điểm bình đẳng nam nữ đã trở thành tư tưởng chính trị chính yếu ở Việt Nam từ hơn nửa thế kỷ nay, các biểu hiện của sự bất bình đẳng nam nữ vẫn ngự trị trong nhiều phương

* Viện Ngôn ngữ học, Việt Nam.

diện của cuộc sống cộng đồng, đặc biệt là ở các vùng nông thôn (xem 2, 3, 6, 8, 13,...)⁽¹⁾. Hầu hết các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng, sự bất bình đẳng nam nữ trong xã hội Việt Nam có nguồn gốc sâu xa trong quan niệm của Khổng giáo về trật tự xã hội; và đến nay vẫn còn rơi rớt lại trong tư tưởng của những người lạc hậu. Quan niệm phong kiến đã đặt người phụ nữ vào địa vị thấp kém hơn so với nam giới trong suốt cả cuộc đời ("tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử") mặc dù người phụ nữ có một vai trò quan trọng trong gia đình và đóng góp ít nhất là một phần tương ứng như (thông thường là nhiều hơn) nam giới vào kinh tế gia đình (xem 2, 5, 10, 13).

Về hoạt động giáo dục con cái, đa số các nghiên cứu về *giới* ở nông thôn Việt Nam kết luận: cha mẹ dạy dỗ và đối xử với con gái khác với con trai. Con trai được chăm sóc tốt hơn con gái. Con trai được giáo dục với những mục đích "hướng ngoại", tức là hướng tới những kiến thức và kỹ năng để đảm đương công việc xã hội và sự thăng tiến trong xã hội, còn con gái được giáo dục để "hướng nội" tức là hướng tới sự ngoan ngoãn, chăm chỉ, khéo léo để đảm đương công việc gia đình (Đặng Nguyên Anh 1991, Lê Thi 1998, Liljestrom 1991, Rydstrom 1998, Vũ Mạnh Lợi 1991). Nguyên nhân chính của tình trạng trên được một số tác giả cho là tư tưởng "trọng nam khinh nữ" của các bậc làm cha làm mẹ. Nghiên cứu hoạt động giáo dục trẻ em ở một cộng đồng nông thôn thuộc đồng bằng Bắc Bộ, Rydstrom (1998) nhận định:

"Nguyên nhân chính của sự phân biệt đối xử giữa bé trai và bé gái nằm trong quan niệm của người dân địa phương về cơ thể của trẻ em. Việc bé trai được coi là có danh dự bẩm sinh (inborn honor) có nghĩa là thân thể của bé trai không bị coi là trống rỗng (blank) cả về mặt sinh học lẫn về mặt biểu trưng (...). Thân thể của một bé gái bị coi là trống rỗng bởi nó không chứa danh dự bẩm sinh, do đó mà nằm ngoài cấu trúc xã hội phụ hệ. Vì vậy, bé gái phải được dạy dỗ nhiều hơn bé trai như một chiến lược để bù vào cái bị coi là thiếu hụt về sinh học cũng như thiếu hụt về tính biểu trưng"(12, tr. 95).

Nhưng, như đã biết, những nhận định kiểu như trên chỉ phản ánh một trong nhiều biểu hiện của yếu tố *giới* trong hoạt động thực tiễn của người nông dân Việt. Bởi vì, những nhận định như thế đã giả định rằng, cộng đồng nông thôn là tương đối thuần nhất về các phương diện khác và *giới* là một yếu tố độc lập, không nằm trong mối liên hệ với các yếu tố khác, ví dụ như hoàn cảnh sinh sống cụ thể hoặc *nhóm xã hội* của con người - một yếu tố đang thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học và các nhà hoạch định chính sách trong hoàn cảnh đổi mới của Việt Nam hiện nay.

Trong bài viết này, chúng tôi sẽ sử dụng tư liệu của chương trình "Ngôn từ, giới và nhóm xã hội" - một chương trình hợp tác giữa Viện Ngôn ngữ

học, Viện Dân tộc học ở Việt Nam và Trường Đại học Tổng hợp Toronto, Canada - để minh chứng cho sự đa dạng của mối quan hệ giữa *giới* và và một số yếu tố khác, đặc biệt là *nhóm xã hội* trong hoạt động giáo dục trẻ em ở thôn Cộng Hòa⁽²⁾ - một làng quê nhỏ bé thuộc đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam vào thời điểm 1990-1992 (khoảng 5 năm sau khi có chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước). Qua đó, chúng tôi muốn giới thiệu một cách tiếp cận *giới* khác với phương pháp thiên về việc tìm hiểu sự khác biệt nam - nữ. Bởi khuôn khổ có hạn của bài viết, chúng tôi sẽ không đề cập nhiều đến vấn đề *giới* của những người nuôi dưỡng mà chỉ tập trung vào vấn đề *giới* của trẻ em.

II. SỰ ĐA DẠNG TRONG VIỆC DẠY DỠ BÉ GÁI VÀ BÉ TRAI Ở THÔN CỘNG HÒA

1. Giáo dục bé gái và bé trai trong hoàn cảnh cụ thể

Như đã đề cập ở trên, đa số các tư liệu về giáo dục trẻ em ở vùng nông thôn Việt Nam cho rằng, bé gái luôn được dạy dỗ để làm các công việc nội trợ trong gia đình, còn bé trai được tự do tìm hiểu môi trường bên ngoài. Bé trai nhận được những điều kiện tốt nhất mà gia đình có thể tạo ra con cái; bé gái thường bị phạt rất nghiêm khắc bởi những hành vi bị người lớn coi là không hợp chuẩn của các em. Người lớn cũng nghiêm khắc với bé gái hơn là với bé trai (xem 4, 12, 13).

Tư liệu ở thôn Cộng Hòa cho thấy, bức tranh về hoạt động giáo dục bé gái và bé trai không đơn giản và được phân giới rõ ràng như đã mô tả ở những cộng đồng khác, mà phức tạp và đa dạng bởi trẻ em sống trong những điều kiện không giống nhau. Ở đây, có những bé trai giúp đỡ gia đình trong công việc nội trợ và những bé gái đi chăn trâu, cắt cỏ, bắt cá ở những cánh đồng xa nơi ở của các em; có những ông bà cha mẹ nghiêm khắc với bé trai hơn bé gái v.v... Trong những trường hợp như thế, quan điểm "phân biệt nam - nữ" không đủ để giải thích hoạt động nuôi dạy trẻ em của người dân làng quê này. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải chú ý đến cả những yếu tố khác, và đặc biệt là đến sự tác động lẫn nhau của các yếu tố làm nên môi trường sống của con người.

Cũng như trẻ em ở các cộng đồng miền Bắc Việt Nam khác, trẻ em ở thôn Cộng Hòa cần học những giá trị văn hóa xã hội điển hình như tình yêu đối với con người, đối với quê hương đất nước; tôn trọng người có tuổi; tôn trọng quan hệ họ hàng v.v... cũng như cần được dạy dỗ để đảm nhận những vai trò xã hội nhất định trong cuộc sống hiện tại và tương lai, ví dụ như làm con, làm cháu, làm trò, làm cha, làm mẹ, làm thầy, làm người nông dân, làm người thợ may v.v... Cho dù người dân Cộng Hòa có thể tương đối thống nhất với nhau về phẩm chất cần có của những vai xã hội đó, hoạt động thực tiễn của họ lại mang tính hoàn cảnh cụ thể. Ví dụ, đa số

người được hỏi ý kiến cho rằng, người ông và người cha cần phải đảm nhận trọng trách làm người nghiêm khắc trong hoạt động giáo dục con cháu trong gia đình. Nhưng, trong thực tế, anh Hà, anh Thụ, ông Thơ, ông Sĩ v.v... không như thế. Ông Thơ chiều chuộng cả con lẫn cháu. Trẻ nhỏ trong gia đình ông "chỉ thích theo ông". Anh Thụ chiều chuộng Trang (cô con gái năm tuổi của anh) đến mức chị Tú - vợ anh - phải phàn nàn với chúng tôi rằng: "Anh ấy chiều nó quá. Lắm lúc, em phải nghiêm với nó". Xin đưa ra ở đây một bằng chứng về sự chiều con gái của anh Thụ. Trong một bữa cơm gia đình, anh Thụ hầu như không chú ý đến việc ăn uống của cậu con trai 7 tuổi rưỡi mà luôn quan tâm hỏi han xem Trang muốn ăn gì và ăn như thế nào; còn Trang thì luôn uốn éo, quấy nhiễu, đòi hỏi:

- Anh Thụ: *Đây, con ăn miếng này.*
 Trang: *Bố bỏ xitong.*
 Anh Thụ: *A đây, đây nhớ, bố lấy xitong cho đây nhớ.*
 Trang: *Xitong.*
 Anh Thụ: *Đây, đây, đây. Cứ yên trí để bố lấy xitong nữa. Bố lấy nữa.*
 Trang: *Ừ ít ừ.*
 Chị Tú: *Trang, ăn cho hẳn hoi vào.*

Hoạt động giáo dục trẻ em ở thôn Cộng Hòa cũng gắn liền với hoàn cảnh cụ thể của từng gia đình. Chị Hình có 4 con trai và một cô con gái út. Chị Hình đã dạy các con trai của chị và phân công cho chúng làm nhiều việc thuộc về "nội trợ". Đáp lại sự khen ngợi rằng cháu Thanh (cậu con trai mười hai tuổi của chị) rất thạo việc bếp núc, mắt chị ánh lên niềm tự hào, nhưng dường như chị vẫn mong muốn nhiều hơn: "Biết làm thế nào được. Con gái bằng nó đã cấy tốt rồi" - chị nói. Một ví dụ khác là trường hợp của cháu Tiến (nam, 7 tuổi). Là con trai duy nhất trong một gia đình có 4 anh chị em, Tiến chưa phải đảm nhận một công việc cụ thể nào trong gia đình. Trong khi đó, cô em gái 5 tuổi rưỡi của Tiến là Hằng thì có trách nhiệm phải trông cô em út 2 tuổi. Tuy nhiên, người lớn trong gia đình thường sai Tiến làm những việc lặt vặt như đun bếp, nhặt rau, quét sân... bởi vì Hằng luôn bận bế em. Như vậy, có thể nói, trong những hoàn cảnh cụ thể thì bé trai cũng được dạy dỗ để làm các việc nhà như nấu cơm, nhặt rau, quét nhà v.v... cho dù người dân Cộng Hòa có thể coi đó là những việc của phụ nữ.

Đưa ra những ví dụ trên, chúng tôi chỉ muốn mô tả sự đa dạng của các hoạt động nuôi dạy bé trai và bé gái ở thôn Cộng Hòa. Chúng tôi không khẳng định rằng, ở đây, không có sự khác nhau trong cách đối xử của các bậc phụ huynh với bé trai và với bé gái, cũng như không có sự khác nhau trong việc dạy dỗ chúng. Có lần, chị Năm, một bà mẹ của bốn con gái và một con trai, tâm sự với chúng tôi: "Con trai dù sao nó

cũng ấy hơn. Cuộc sống dễ chịu hơn con gái. Con gái nếu không cẩn thận dễ thành bà cô". Trả lời cho câu hỏi "Vì sao con gái lại là mối lo lắng lớn của cha mẹ?", bà Lệ - bà chủ của một gia đình có tiếng là khá giả trong thôn - nói:

"Nếu không ai lấy thì chết. Nếu gả cho một gia đình chẳng ra gì thì không những nó khổ mà mình cũng khổ tâm lắm. (...) Muốn giúp đỡ nó có phải dễ đâu. Mình chẳng có quyền gì mà tham gia vào công việc của nhà người ta"⁽³⁾.

Còn chị Hai thì thường khuyên các con gái của chị và bạn bè của chúng khi các cháu tụ tập ở nhà chị để tán gẫu rằng, là con gái chúng phải học cách làm ăn và nói năng cho cẩn thận. "Nếu không, sau này về nhà người ta, người ta sẽ chửi cho cả họ là không biết dạy con". Với những suy nghĩ như vừa nêu ở trên, người dân Cộng Hòa thường bảo các cháu gái: "Con gái con đứa, ta chải cái đầu cho mượt mà chứ lại!", "Con gái con đứa, làm ăn cho gọn gàng!", "Con gái con đứa mà ngồi như thế à?" hoặc "Con gái con đứa, nói năng cho tử tế!"...

Nói như trên không có nghĩa là người Cộng Hòa không dạy dỗ các bé trai. Đường như, họ thường làm việc này với một thái độ thoải mái, dễ dãi. Chúng tôi thường được nghe họ biện hộ cho những việc làm, cách ứng xử không chuẩn tắc của bé trai bằng cụm từ: "Con giai, lấy đâu được...".

Xét về hiện tượng, người dân Cộng Hòa dường như cũng chú ý đến việc dạy dỗ bé gái nhiều hơn bé trai, giống như cư dân thuộc các cộng đồng nông dân Việt đã được nghiên cứu. Tuy nhiên, chúng tôi không hoàn toàn đồng ý với một số tác giả đi trước rằng, nguyên nhân tạo ra sự khác nhau đó là tư tưởng "trọng nam, khinh nữ" của các bậc làm cha làm mẹ ở thôn Cộng Hòa hoặc là một chiến lược nhằm bù đắp cho những thiếu hụt nhất định nào đó của bé gái. Chúng tôi cho rằng, người dân Cộng Hòa chú ý đến việc dạy dỗ bé gái nhiều hơn bé trai bởi họ muốn trau dồi cho các em những kĩ năng cần thiết để sống trong một xã hội mà ở đó phụ nữ chịu nhiều áp lực hơn và bị soi xét nghiêm khắc hơn nam giới. Phần tiếp theo sẽ đề cập cụ thể hơn đến việc dạy cho bé gái ở những giai tầng khác nhau những kĩ năng cần thiết, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của các em.

2. Giáo dục bé gái thuộc các nhóm xã hội khác nhau

Chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã tạo ra sự phân tầng kinh tế tương đối rõ ở thôn Cộng hòa. Trong phần này của bài viết, chúng tôi sẽ giới thiệu một số nét chính của hoạt động giáo dục bé gái ở hai nhóm xã hội khác nhau: *nhóm khá giả* và *nhóm khó khăn* về kinh tế. Sự phân nhóm như trên dựa vào một số tiêu chí nhất định mà chúng tôi xin được miễn trình bày ở đây vì sự hạn hẹp của khuôn khổ bài viết.

Ở nhiều vùng nông thôn Việt Nam, cha mẹ thường có vai trò quyết định trong việc định hướng cho cuộc sống của con cái, ngay cả khi con cái họ đã trưởng thành. Kết quả của một cuộc điều tra xã hội học ở nông thôn cho thấy, chỉ có 14% thanh niên tự quyết định nghề nghiệp cho mình, số còn lại nghe theo phán quyết của cha mẹ (Vũ Mạnh Lợi 1991). Điều này không chỉ phản ánh quan niệm về nghĩa vụ của cha mẹ và con cái mà còn phản ánh sự phụ thuộc về kinh tế của thanh niên vào cha mẹ. Nhưng, điều kiện kinh tế của các bậc làm cha làm mẹ cũng có những hạn chế riêng của nó. Cha mẹ không thể cho con cái những gì mà họ không có. Do đó, điều kiện mà cha mẹ tạo cho con cái không thể giống nhau trong mọi gia đình mà mang tính hiện thực và phù hợp với từng hoàn cảnh gia đình.

Trong những gia đình khá giả, cha mẹ ưu tiên hàng đầu và cố gắng tạo mọi điều kiện cho con cái họ (cả trai lẫn gái) theo học đến nơi đến chốn với mong muốn rằng sau này các cháu sẽ thoát khỏi cuộc sống "chân lấm tay bùn". Khi mà con gái họ không thể thi đỗ được vào một trường cao đẳng hoặc đại học nào thì các bậc làm cha làm mẹ lại cố gắng để tạo cho chúng một "cuộc sống an nhàn". Ví dụ, bà Hinh nói với cô con gái 17 tuổi không thi đỗ đại học của bà rằng: "Bố mẹ sẽ mua cho cái máy khâu" để cô có thể làm thợ may mà không phải làm ruộng. Còn ông Thơ thì dự định sẽ cấp cho con gái ông một ít vốn để mở một quán hàng nhỏ, buôn bán những đồ dùng thiết yếu hàng ngày của dân làng. Kết quả phỏng vấn còn cho thấy, tất cả các phụ huynh đều mong muốn con gái mình được gả chồng vào một gia đình khá giả. Những mục đích như trên đòi hỏi các cô gái phải được dạy dỗ theo các tiêu chuẩn "công, dung, ngôn, hạnh" mà đạo Khổng đề ra cho phụ nữ. Bởi vì, quan niệm này của Khổng giáo vẫn là quan niệm tương đối được đề cao ở làng quê này.

Bởi sự khó khăn về kinh tế của gia đình, các cô gái thuộc nhóm khó khăn ít có điều kiện để học lên cao. Ngay cả khi các cháu thi đỗ đại học hoặc cao đẳng thì nhiều gia đình thuộc nhóm khó khăn cũng không có khả năng chu cấp cho việc học tiếp của các em. Khi không có cơ hội "thoát li", các cô gái thuộc nhóm này thường không có được những điều kiện cho một cuộc sống "thong thả" như con gái các gia đình khá giả. Do đó, các bậc cha mẹ thuộc nhóm khó khăn thường cho rằng, "mong muốn thì nhiều" nhưng thực tế nhất là con gái họ sẽ trở thành người nông dân tốt trên mảnh đất quê hương và có một mái ấm gia đình hạnh phúc. Với quan điểm đó, người lớn trong những gia đình khó khăn thường quan tâm hơn đến việc dạy cho con gái họ đức tính chăm chỉ và kỹ năng làm việc ruộng đồng cũng như kỹ năng làm việc nội trợ. Quan điểm này được một cụ bà 74 tuổi nói rất rõ khi bà khuyên các cháu gái của bà: "Cứ chăm chỉ và làm ăn giỏi là đất chồng".

Sống trong những hoàn cảnh kinh tế khác nhau và hướng tới những mục đích khác nhau, người lớn thuộc các nhóm xã hội khác nhau thường chăm sóc và dạy dỗ con gái của họ theo những cách khác nhau. Sau đây chúng tôi sẽ mô tả một số nét chính trong việc chăm sóc và giáo dục các bé gái dưới 8 tuổi ở thôn Cộng Hòa để minh chứng cho sự khác nhau đó.

Nhìn chung thì bé gái ở gia đình khá giả thường được chăm sóc tốt hơn so với bé gái ở gia đình khó khăn. Điều này không có nghĩa là người lớn ở các gia đình khó khăn không muốn dành thời gian cho con cái họ mà đúng hơn là họ không thể. Một trong những nguyên nhân làm cho những gia đình khó khăn lâm vào tình trạng khó khăn là do họ có nhiều con. Trong những hộ gia đình mà chúng tôi nghiên cứu, số con trung bình của các gia đình khó khăn là 4 trong khi chỉ số này ở các gia đình khá giả chỉ là 2. Để lo cho con cái đủ ăn đủ mặc, người lớn trong các gia đình khó khăn phải làm việc vất vả suốt ngày, do đó họ không còn nhiều thời gian dành cho con cái. Điều thường thấy trong các gia đình khó khăn là những bé gái mới khoảng 5 - 6 tuổi đã phải trông các em bé hơn trong gia đình; còn trẻ em mới 3 - 4 tuổi đã phải "tự lực" là chính, tức là không cần có người trông coi thường xuyên. Trong khi đó, các bé gái 5 - 6 tuổi của các gia đình khá giả vẫn luôn có người trông nom. Trang (5 tuổi, thuộc nhóm khá giả) thường được mang đến gửi ở nhà bà ngoại nếu người lớn trong gia đình tứ đại đồng đường của cháu vắng nhà. Có lần, Liên (5 tuổi, thuộc nhóm khá giả) đã gây ra một sự lo lắng lớn cho gia đình cháu. Bởi vì, sau khi tan học ở lớp mẫu giáo, Liên không về thẳng nhà mà còn ở lại chơi với các bạn khác.

Một bà mẹ thuộc gia đình khá giả tỏ ra ái ngại cho Thiêm và Mến (cả hai cùng 4 tuổi, thuộc gia đình khó khăn) bởi chị cho rằng, các em này cứ "phải lang thang cả ngày, không ai quan tâm". Trái lại, mẹ của Mến lại rất tự hào nói với chúng tôi: "Con này nó ấ ý lắm. Rất tự lực nhá. Nó ra tận chùa rồi lại về được đấy chị ạ".

Thực tế trên cũng được minh chứng rõ ràng trong tư liệu về ngôn ngữ của chúng tôi. Chúng tôi đã dùng cùng một phương pháp thu thập tư liệu và tiêu chí chọn mẫu để lựa chọn những lời cầu khiến của các bé gái thuộc cả hai nhóm khá giả và khó khăn nhằm hướng tới những kết quả có thể đại diện cho hoạt động ngôn từ của các nhóm. Kết quả thống kê được trình bày ở bảng sau đây cho thấy: bé gái thuộc nhóm khá giả nói với người lớn nhiều hơn gấp ba lần bé gái thuộc nhóm khó khăn (so sánh 57, 8 % với 18,6%). Trong khi đó, khoảng hai phần ba (59,5%) trong tổng số các lời cầu khiến của bé gái thuộc nhóm khó khăn là nói với trẻ em nữ. Bởi vì, bé gái thuộc nhóm này được đi chơi tương đối tự do, do đó, chúng thường tụ tập ở một nơi nào đó để chơi với nhau. Một số cháu vừa trông em vừa chơi với các bạn.

Tần số xuất hiện của lời cầu khiến của bé gái và bé trai thuộc các nhóm xã hội khác nhau đối với người lớn và đối với trẻ em (nam và nữ)

	Với người lớn	Với trẻ em		N
		Với trẻ em nam	Với trẻ em nữ	
bé gái khá giả	57.8%	26.7%	15.5%	206
bé trai khá giả	41.2%	30.1%	28.7%	136
bé trai khó khăn	26.2%	44.4%	29.4%	187
bé gái khó khăn	18.6%	21.8%	59.5%	220
Tổng số	35.4%	30.3%	34.3%	749

($p < .001$)⁽⁴⁾

Về giáo dục con cái, bé gái trong các gia đình thuộc diện khó khăn ở độ tuổi này đã bắt đầu được dạy cách làm những công việc nội trợ và công việc phục vụ cho sản xuất tùy theo khả năng của các em. Ví dụ, Hồng (6 tuổi) được dạy để phơi rơm, cào thóc; còn Cúc (5 tuổi) thường được dạy đun bếp thế nào cho không bị khói, quét sân thế nào cho không bị bụi bay vào mặt, nhặt rau thế nào cho sạch v.v... Trong khi đó, chưa có bé gái nào trong độ tuổi trên thuộc các gia đình khá giả phải làm những việc như thế. Thậm chí, có cha mẹ còn không muốn cho con gái họ tiếp xúc với rơm rạ, thóc lúa vì sợ cháu bị rậm⁽⁵⁾.

Việc dạy cách ăn nói, cư xử cho bé gái thuộc các nhóm xã hội khác nhau ở thôn Cộng Hòa cũng có nhiều điểm khác nhau. Mặc dù hầu hết những người được hỏi ở thôn Cộng Hòa đều thống nhất rằng, con gái cần nói năng nhỏ nhẹ, dịu dàng, lễ phép, có tôn ti, "chị ra chị, em ra em", các bậc phụ huynh trong các gia đình khá giả thường thiên về chuẩn mực theo quan niệm của đạo Khổng (ăn nói theo mô hình tôn ti), còn trong gia đình khó khăn thiên về quan niệm của đạo Phật (ăn nói theo mô hình bình đẳng)⁽⁶⁾.

Trong gia đình khá giả, mọi người thường chú ý, phát hiện và sửa cách nói năng cho các bé gái nhiều hơn ở các gia đình khó khăn. Xin đưa ra ở đây một câu chuyện mà bà Tư (một người thuộc gia đình khá giả) kể với chúng tôi làm ví dụ:

"Hôm nọ, lúc ăn cơm, nó (tức là Liên - cô cháu gái năm tuổi của bà Tư) bảo tôi: *Cho Liên đôi đũa*.

Tôi mới bảo nó: Bảo: *"Bà cho con đôi đũa" chứ. Ai lại nói không như thế*.

Nó bảo: *Vâng*.

Thế sau, tôi mới hỏi nó: *Lần sau con bảo thế nào?*

Nó bảo: *Bà cho con đôi đũa."*

Câu chuyện trên cho thấy rằng, theo bà Tư thì nói trống không với bà là không chuẩn mực, xưng tên với bà là không chuẩn mực. Khi được bà nhắc nhở thì Liên nghe theo lời dạy của bà. Hơn nữa, Liên còn bắt chước cả cách xưng "con" với bà. Đây là cách dùng từ xưng gọi không phổ biến ở cộng đồng này: tại thời điểm mà chúng tôi thu thập tư liệu, cách xưng "con" với ông bà chỉ xuất hiện ở 3 gia đình trong tổng số 29 hộ mẫu của chương trình.

Trong khi đó, ở các gia đình thuộc diện khó khăn, người ta ít đề cập đến những việc như trên. Trong thời gian thực địa, chúng tôi nhận thấy, người lớn thuộc các gia đình khó khăn hầu như không sửa cách xưng gọi cho trẻ em mặc dù trẻ em thường nói trống không hoặc dùng tên, thậm chí "mày - tao" để xưng gọi với anh chị em ruột hoặc anh chị em họ dưới 16 tuổi. Thỉnh thoảng, người lớn ở những gia đình khó khăn cũng nhắc nhở trẻ em khi chúng dùng những từ tục tĩu, nhưng thái độ của họ không nghiêm khắc. Điều này chứng tỏ rằng, họ không coi trọng các việc đó. Ví dụ, có lần Hồng (5 tuổi) nói rất tục trước mặt chúng tôi. Mẹ Hồng nửa đùa nửa thật bảo cháu rằng: "Cô Bình thu mày nói bậy rồi!". Một lúc sau đó, Hồng lại tiếp tục dùng những từ tục tĩu đó. Lần này, mẹ Hồng không nói gì với Hồng mà chỉ cười ngượng nghịu và quay sang thanh minh với chúng tôi: "Con này nó nghịch lắm, nhăng nháo lắm". Chứng kiến hoàn cảnh giao tiếp lúc đó, chúng tôi hiểu rằng mẹ Hồng không coi chuyện đó là nghiêm trọng.

Trở lên, chúng tôi đã mô tả sự đa dạng trong hoạt động chăm sóc và dạy dỗ bé gái và bé trai ở một cộng đồng nông thôn được coi là tương đối thuần nhất. Chúng tôi đã chứng minh rằng, hoạt động nuôi dạy trẻ em của cư dân làng quê này luôn gắn liền với hoàn cảnh sinh sống cụ thể của họ và hướng tới những mục đích nhất định. Dù bằng những con đường nào thì tất cả các bậc làm cha làm mẹ ở nơi đây đều mưu cầu một cuộc sống hạnh phúc và tốt đẹp của con cái họ.

III. KẾT LUẬN

Trong khi đa số các công trình nghiên cứu về hoạt động nuôi dạy trẻ ở các cộng đồng nông thôn Việt Nam thường tập trung vào sự khác nhau giữa hoạt động nuôi dạy bé gái và hoạt động nuôi dạy bé trai, bài viết này tìm hiểu cả sự giống nhau trong việc nuôi dạy bé gái và nuôi dạy bé trai cũng như sự khác nhau trong việc nuôi dạy bé gái thuộc các nhóm xã hội khác nhau. Qua đó, tác giả bài viết mong muốn giới thiệu một cách tiếp cận phạm trù *giới* khác với các cách tiếp cận nặng về sự khác biệt nam - nữ.

Kết hợp các phương pháp khác nhau, đặc biệt là phương pháp mô tả dân tộc học, phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp phân tích ngôn từ, tác giả bài viết đã khảo sát sự tương tác giữa yếu tố *giới* và một số yếu tố xã hội khác, đặc biệt là yếu tố *nhóm xã hội*, trong hoạt động nuôi dạy con cái ở một cộng đồng nông thôn miền Bắc Việt Nam trong hoàn cảnh đổi mới của nước nhà. Hoạt động nuôi dạy trẻ của người dân nơi đây được tác giả bài viết mô tả như là những sự lựa chọn có mục đích của con người dưới sự ảnh hưởng đa chiều của các tham tố như quan niệm chung về các giá trị văn hóa - xã hội của cộng đồng cũng như giới, giai tầng xã hội và hoàn cảnh sinh sống cụ thể của các cá thể.

Nhìn chung, báo cáo này mong muốn được góp thêm một quan niệm, một cách nghiên cứu về *giới* trong việc nuôi dạy trẻ em, cũng như đóng góp có hiệu quả hơn cho những hoạt động thực tiễn nhằm thúc đẩy sự phát triển của trẻ em ở Việt Nam.

CHÚ THÍCH

- 1 Ở danh mục tài liệu tham khảo tác giả, tác phẩm, thứ tự của các công trình của các tác giả khác nhau được liệt kê theo thứ tự của bảng chữ cái tên họ của các tác giả; còn thứ tự các công trình của cùng một tác giả thì theo trình tự thời gian của năm xuất bản.
- 2 Trong bài này, tên địa lí và tên các cộng tác viên ở địa phương mà chúng tôi nghiên cứu đều không phải là tên thật.
- 3 Gia đình bà Lệ là một gia đình khá giả trong thôn Cộng Hòa. Một thời gian ngắn trước thời gian thực địa của chúng tôi, gia đình chồng của cô con gái lớn nhất của bà Lệ chẳng may rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Gia đình bà Lệ giúp cô con gái xin đất của xã và xây một căn nhà để vợ chồng cô con gái và các con của họ ở riêng. Sự việc này đã gây ra những điều tiếng nhất định trong làng.
- 4 Điều này có nghĩa là: xét từ góc độ thống kê thì sự khác nhau giữa các đại lượng được đem ra so sánh trong bảng trên là rất quan trọng.
- 5 Xin lưu ý rằng trẻ em trong diện nghiên cứu của chúng tôi là trẻ em dưới 8 tuổi. Đối với trẻ lớn hơn, có thể sự dạy dỗ sẽ có những mục đích khác, đặc điểm khác, phương pháp khác so với mô tả ở đây.
- 6 Khi nghiên cứu về hệ thống và cách sử dụng từ chỉ người của người Việt, Luong (1990) đưa ra hai mô hình ứng xử tương ứng với hai quan niệm về thế giới. Mô hình thứ nhất gắn với quan niệm của đạo Khổng: trọng nam và tôn ti; còn mô hình thứ hai gắn với quan niệm của đạo Phật: tương đối bình đẳng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cameron, D, *Theoretical debates in feminist linguistics. Questions of sex and gender*. Trong: Wodak, R. (chủ biên) *Gender and Discourse*, 1997, tr. 21-36.
2. Đặng Nguyên Anh, *Vai trò và vị trí của phụ nữ nông thôn trong gia đình: Một nghiên cứu cộng đồng*. Trong: Liljestrom, R. và Tương Lai (chủ biên) *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 157-164

3. Gammeltoft, T, *Women's bodies, Women's worries: Health and family planning in a Vietnamese rural community*. Curzon Press, 1999.
4. Hickey, G, *Village in Vietnam*. Yale University Press, 1964.
5. Khuất Thu Hồng, *Nghiên cứu xã hội học gia đình ở Việt Nam*. Trong: Liljestrom, R. và Tương Lai (chủ biên) *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, tr. 165-181. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
6. Lê Thị, *Phụ nữ và bình đẳng giới trong đổi mới ở Việt Nam*. Nxb Phụ nữ, Hà Nội, 1998.
7. Liljestrom, R, *Gia đình, vấn đề giới và quan hệ thân tộc ở Việt Nam*. Trong: Liljestrom, R, và Tương Lai (chủ biên) *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, tr. 13-24. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
8. Luong, H.V, *Revolution in the village: Tradition and Transformation in North Vietnam 1925-1988*. University of Hawaii Press, 1991.
9. John Benjamins, *Discursive practices and linguistics meanings: The Vietnamese system of person reference*. 1990.
10. Mai Kim Châu, *Người phụ nữ Việt Nam trong gia đình nông thôn*. *Xã hội học*, số 2/1986, tr. 48-51.
11. Nguyễn Thị Thanh Bình, *Một số khuynh hướng nghiên cứu về mối liên hệ giữa giới và sự phát triển ngôn ngữ ở trẻ em*. *Ngôn ngữ*, số 1/2003, tr. 26-38.
12. Rydstrom, *Embodying morality: Girls' socialization in a North Vietnamese commune*. Ph. D. Dissertation at the Department of Child Study, Linkoping University, Sweden, 1998.
13. Vũ Mạnh Lợi, *Khác biệt nam nữ trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ*. Trong: Liljestrom, R. và Tương Lai (chủ biên) *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, tr. 141-154. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.